

Số: 74/KH-UBND

Lương Tài, ngày 05 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Lương Tài năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 11/4/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh, v/v triển khai Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026.

UBND xã Lương Tài ban hành Kế hoạch cập nhật, bổ sung triển khai thống nhất các nhiệm vụ, chỉ tiêu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức triển khai có hiệu quả đến các cơ quan, đơn vị, các thôn và các tầng lớp nhân dân trong xã về quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 57-NQ/TW; Chương trình công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (viết tắt là *Chương trình số 02-CTr/BCĐTW*); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (viết tắt là *Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP*); Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; các chương trình, kế hoạch, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; nhằm góp phần đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng, tạo động lực chính cho sự phát triển của xã.

- Xác định rõ các nhiệm vụ đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo năm 2026, gắn với phát huy tiềm năng, thế mạnh của xã; bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, không hình thức, không dàn trải; bảo đảm tinh thần “6 rõ”, tính khả thi, thống nhất với định hướng điều chỉnh Quy hoạch xã thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các cơ quan, đơn vị phải chuyển từ cách làm theo kế hoạch sang cách làm theo mục tiêu và sản phẩm; từ báo cáo tiến độ sang báo cáo hiệu quả; từ “có làm” sang “làm đến nơi đến chốn”; chủ động đề

xuất nhiệm vụ của mình mà không chờ giao nhiệm vụ; chủ động kiến nghị cấp trên chỉ đạo, xem xét, cho ý kiến những vấn đề vượt thẩm quyền; chủ động phối hợp chặt chẽ trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan. Ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực cho hạ tầng, dữ liệu, nhân lực chất lượng cao. Đồng thời, tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ, bảo đảm hiệu quả trong đầu tư thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính để đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội của xã. Tập trung xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; xây dựng hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ổn định, hiện đại bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng. Phân đầu đưa Lương Tài nằm trong nhóm địa phương dẫn đầu tỉnh, góp phần đưa Bắc Ninh dẫn đầu về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII), Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) và Chỉ số năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trên mức trung bình cả nước.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể năm 2026: (Theo Phụ lục số I kèm theo kế hoạch).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục tăng cường tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện và nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của Nghị quyết số 57-NQ/TW, các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xác định rõ trách nhiệm và chủ động triển khai thực hiện.

1.2. Phát huy vai trò và triển khai hiệu quả các hoạt động của Ban Chỉ đạo xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06; cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo.

1.3. Từng bước xem xét bố trí cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.

1.4. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức gắn với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này.

2. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong hành động

2.1. Thường xuyên tuyên truyền về nội dung chỉ đạo, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Duy trì các chuyên trang, chuyên mục,

chương trình về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông của xã. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên nền tảng số của cơ quan báo chí các cơ quan, đơn vị; tăng cường tổ chức triển lãm, trưng bày chuyên đề; biên soạn, phát hành các tài liệu tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với từng loại hình đối tượng. Khuyến khích các tác giả người Lương Tài, Bắc Ninh gửi bài báo khoa học (Scopus/ISI) để đăng tải trên các sản phẩm báo chí của địa phương. Tiếp tục triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phong trào “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số”.

2.2. Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo cho hội viên, đoàn viên và Nhân dân.

2.3. Tổ chức các hội nghị chuyên đề của UBND xã để nghiên cứu, thảo luận, thống nhất những vấn đề khó, phức tạp, mới phát sinh; trong đó, tập trung vào các chủ đề: Công nghệ chiến lược; trí tuệ nhân tạo; công nghiệp bán dẫn; dữ liệu và chuyển đổi số quốc gia.

2.4. Triển khai có hiệu quả phong trào thi đua “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Lương Tài”. Mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

2.5. Thực hiện Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số; tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã.

3. Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách của tỉnh và huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

3.1. Triển khai có hiệu quả các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số; khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); chính sách hợp tác công tư phát triển hạ tầng số thiết yếu; chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số... theo Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3.2. Áp dụng các danh mục dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế - kỹ thuật và có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả.

3.4. Xây dựng danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

3.5. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là đơn giản hóa thủ tục hành chính, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

4. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

4.1. Rà soát, xây dựng Phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động xã Lương Tài sau sáp nhập theo hướng dẫn của tỉnh và thực tiễn địa phương, bảo đảm đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, của xã.

4.2. Tập trung phát triển hạ tầng số, trọng tâm là hạ tầng viễn thông 5G, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng vật lý số, hạ tầng IoT, hạ tầng tiện ích số theo kế hoạch, chiến lược đã ban hành. Đặc biệt quan tâm tạo lập cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện. Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, đô thị,...), bảo đảm tính kết nối, liên thông. Thúc đẩy chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn. Mở rộng phủ sóng băng thông rộng 5G; nâng cấp đường truyền cho các cơ quan trong hệ thống chính trị.

4.3. Đẩy mạnh ứng dụng, triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu. Ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý môi trường, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng sống của người dân.

4.4. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược trên địa bàn xã.

5. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

5.1. Phát huy vai trò đơn vị sự nghiệp công lập của xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để trở thành các đầu mối hỗ trợ, hạt nhân thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại địa phương.

5.2. Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo. Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển đổi mới sáng tạo và thúc đẩy sự liên kết giữa người dân, doanh nghiệp với nhà khoa học để đổi mới sáng tạo trở thành một phong trào xã hội rộng, mang tính toàn dân; đồng thời, thúc đẩy, lan tỏa văn hóa tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, chấp nhận rủi ro một cách có kiểm soát, khuyến khích thử nghiệm cái mới; khuyến khích mọi người dám suy nghĩ khác biệt và tôn trọng sự khác biệt, dám mạo hiểm và chấp nhận thất bại.

5.3. Tăng cường kết nối các cá nhân có ý tưởng sáng tạo, tài sản trí tuệ được bảo hộ với nhà đầu tư và quỹ hỗ trợ để ươm tạo thành sản phẩm, dịch vụ cụ thể; tôn vinh các điển hình đổi mới sáng tạo, có những đóng góp thay đổi tư duy, phương thức quản lý, sản xuất, kinh doanh.

5.4. Thúc đẩy sự phối hợp giữa các chủ thể trong hoạt động đổi mới sáng tạo thông qua các chính sách như đặt hàng nhiệm vụ có tính liên kết viện, trường, doanh nghiệp, cơ chế đồng tài trợ từ quỹ nhà nước và tư nhân.

5.5. Tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ tỉnh triển khai xuống xã.

5.6. Triển khai có hiệu quả sáng kiến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, xây dựng hệ thống kết nối, tiếp nhận và xử lý sáng kiến minh bạch, thông minh, bảo đảm bảo mật và quyền sở hữu trí tuệ. Ứng dụng AI, dữ liệu lớn và phân tích thông minh trong đánh giá, phân loại và gợi ý sáng kiến có tiềm năng thương mại hóa cao. Nghiên cứu hình thành hệ sinh thái sáng kiến mở, thúc đẩy kết nối giữa nhà khoa học, doanh nghiệp, cơ quan quản lý và toàn xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo của tỉnh trong giai đoạn mới.

5.7. Thúc đẩy hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp, nhà khoa học, cơ sở nghiên cứu trong hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu suất, cải tiến công nghệ, phát triển công nghệ. Khuyến khích thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của cơ sở nghiên cứu vào trong doanh nghiệp. Thu hút đầu tư tư nhân cho khởi nghiệp sáng tạo. Tạo môi trường thuận lợi để khu vực tư nhân trở thành động lực chủ yếu của đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo.

5.8. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ; cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia. Hỗ trợ triển khai rộng rãi các công cụ và phương pháp quản lý, khai thác giá trị tài sản trí tuệ. Phát triển hệ thống các tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ tìm kiếm, đánh giá, định giá, môi giới, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ. Kết nối các sàn giao dịch công nghệ tạo thành mạng lưới để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đổi mới công nghệ của doanh

nghiệp. Phát huy vai trò của các hiệp hội, hội doanh nghiệp trong tư vấn cho các doanh nghiệp về công nghệ. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa có tiềm năng trở thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ tri thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 06-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch 170/KH-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

6.2. Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân tài khoa học, công nghệ, công nghiệp công nghệ số, thu hút chuyên gia toàn cầu và người Việt Nam ở nước ngoài.

6.3. Tăng cường đào tạo kiến thức về khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế trong trường phổ thông, đặc biệt thông qua hình thức đào tạo STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) và STEAM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học) và đào tạo kỹ năng số ở mọi cấp học. Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật trong các trường học phổ thông trên địa bàn.

6.4. Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số... tạo điều kiện để học sinh tiếp cận công nghệ sớm. Phát triển giáo dục ngành STEM/STEAM, tổ chức các cuộc thi STEM trong các nhà trường từ cấp tiểu học đến trung học cơ sở. Đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, học tập. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục số theo quy định, phân cấp.

6.5. Xây dựng các chương trình khuyến khích học sinh thực hiện đề tài khoa học, khởi nghiệp trong môi trường giáo dục, đào tạo nghề; định hướng nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh đối với các ngành khoa học, kỹ thuật để chuẩn bị trước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6.6. Nghiên cứu xây dựng chương trình tuyển chọn, gửi đi đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm ở trong và ngoài nước. Thúc đẩy thu hút và dịch chuyển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên cơ sở khuyến khích chuyển dịch nhân

lực hai chiều giữa khu vực công và tư. Khai thác có hiệu quả đội ngũ, mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học người Lương Tài, Bắc Ninh tham gia đóng góp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã. Tạo thuận lợi cho các giảng viên, cán bộ nghiên cứu thường xuyên tham gia vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp.

6.7. Hỗ trợ nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu của khu vực doanh nghiệp. Tạo kênh kết nối giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để thống nhất nhu cầu về nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của doanh nghiệp. Đa dạng hóa các hình thức và tài liệu đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp thông qua công nghệ số, mạng xã hội, các kênh truyền thông.

6.8. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các chương trình đào tạo cho nhân lực quản trị công nghệ và quản lý cho doanh nghiệp ở các trình độ, cấp độ khác nhau. Đưa đào tạo kiến thức về quản lý và kinh tế, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng suất vào các chương trình đào tạo cao đẳng, đào tạo nghề và đại học trên địa bàn.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số

7.1. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

- Rà soát, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số toàn diện cho các cơ quan nhà nước xã Lương Tài giai đoạn 2026 - 2030. Tích cực triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số. Cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Bắc Ninh cho xã Lương Tài và điều chỉnh các hệ thống thông tin phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao, hỗ trợ ra quyết định dựa trên cơ sở dữ liệu và phân tích khoa học trong hoạt động quản lý nhà nước.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, nâng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cắt giảm đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân. Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực; ứng dụng AI phân tích dữ liệu để dự báo, cảnh báo sớm tình trạng hồ sơ quá hạn, chậm tiến độ; hình thành

bảng xếp hạng (dashboard) đánh giá hiệu suất công việc của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Triển khai Kế hoạch phát triển công dân số toàn diện giai đoạn 2026 - 2030. Phân đầu mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số. Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số bảo đảm an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

- Triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn xã; Bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, môi trường số. Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Bắc Ninh (Lương Tài) trên môi trường số. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số.

- Triển khai Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo.

- Triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng. Triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh.

- Triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số đảm bảo kết nối với Đề án số 06 của Chính phủ theo tiến độ đề ra.

7.2. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Xây dựng các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn xã.

- Triển khai áp dụng bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

- Thu hút, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn xã để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng. Xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Lương Tài theo nguyên tắc: Sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Lương Tài đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại xã và các địa phương lân cận; khuyến khích đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Lương Tài với tỷ lệ 1% - 3% doanh thu.

- Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ chủ lực của xã trên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số. Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt, thương mại điện tử.

7.3. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Lương Tài về phát triển kinh tế số và xã hội số xã Lương Tài giai đoạn 2026 -2030 đã ban hành.

8. Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin

- Bảo đảm việc kết nối, an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin trọng yếu, quan trọng của xã. Triển khai Đề án phát triển các nền tảng, sản phẩm cấp tỉnh bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu.

- Triển khai Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng; Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng về bảo đảm an toàn, an ninh mạng; Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng. Hướng dẫn, triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng. Tăng cường giám sát, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng. Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, diễn tập, tập huấn về an toàn thông tin. Triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng. Ban hành Quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết

- Thúc đẩy hợp tác trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại xã, tập trung thu hút đầu tư vào các nhiệm vụ, dự án trọng điểm.

- Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường liên kết, hợp tác với các cơ quan cấp tỉnh, các xã lân cận trong và ngoài khu vực gắn với quảng bá đổi mới sáng tạo xã để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

- Kết nối hiệu quả với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở trong và ngoài nước, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học quê hương Lương Tài, Bắc Ninh.

- Học tập kinh nghiệm quốc tế và trong nước, của các đơn vị xã bạn để kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện, tiềm năng, định hướng phát triển của xã, nhất là lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng và các công nghệ chiến lược khác.

- Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ được giao tại Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Chương trình công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành Chương trình công tác năm 2026; Thông báo số 20-TB/CQTTBCĐ ngày 16/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại Phiên họp lần thứ nhất năm 2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo và Báo cáo số 19-BC/CQTTBCĐ ngày 14/3/2026 về tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ; Các nhiệm vụ (nhiệm vụ có thời hạn năm 2026 và nhiệm vụ thường xuyên) tại các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong năm 2025.

Thường xuyên truy nhập để cập nhật, báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ định kỳ, đột xuất trên Hệ thống **theodoing.dcs.vn**, kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo và các cơ quan dựa trên dữ liệu theo thời gian thực.

(Chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục I ; nhiệm vụ tại các Chương trình, kế hoạch, thông báo kết luận Trung ương tại Phụ lục II kèm theo)

IV. NGUỒN LỰC BẢO ĐẢM

- Bảo đảm tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo/tổng chi ngân sách đạt tối thiểu 1,1% và không thấp hơn chỉ tiêu tỉnh, Trung ương giao.

- Huy động các nguồn lực xã hội, hợp pháp khác cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hằng năm báo cáo và kiến nghị UBND xã, Chủ tịch UBND xã các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và hiệu quả Kế hoạch này; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

2. Phòng Kinh tế: Theo chức năng, nhiệm vụ, phân công và quy định phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị bảo đảm nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

3. Đề nghị các cơ quan: Công an, Ban Chỉ huy quân sự, Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, Đoàn thanh niên: Xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung và chỉ tiêu liên quan. Phối hợp báo cáo kết quả định kỳ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã theo quy định

Trên đây là Kế hoạch của UBND xã Lương Tài triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Lương Tài năm 2026 thay thế kế hoạch số 29/KH-UBND của UBND xã Lương Tài ngày 14/02/2026 Về việc thực hiện Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 13- KH/TU ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, chủ động đề xuất gửi Phòng Văn hóa - Xã hội xã để trình UBND xã Lương Tài xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Diễm

Phụ lục I**MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN****NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LƯƠNG TÀI NĂM 2026***(Kèm theo Kế hoạch /KH-UBND ngày /5/2026 của UBND xã)*

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Cơ quan chủ trì	Mục tiêu năm 2026	Mục tiêu hết năm 2030	Ghi chú
A	<i>Phát triển hạ tầng</i>					
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	% dân số	Phòng Văn hóa – Xã hội	100	100	
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps.	% người sử dụng	Phòng Văn hóa – Xã hội	70	100	
B	<i>Phát triển nguồn lực</i>					
3	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo/ tổng chi ngân sách	% ngân sách	Phòng Kinh tế	$\geq 1,1$ và không thấp hơn chỉ tiêu tỉnh giao	$\geq 1,5$	
4	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/GRDP	% GRDP	Phòng Kinh tế	≥ 2	≥ 3	

5	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	100	100	
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	100	100	
7	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	100	100	
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	≥ 90	≥ 90	
C	<i>Phát triển khoa học, công nghệ</i>					
9	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn.	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	≥ 30	≥ 45	
D	<i>Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo</i>					
10	Xếp hạng PII các địa phương trong cả tỉnh	Thứ bậc	Phòng Văn hóa – Xã hội	Top 30	Top 20	
11	Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận mỗi năm	Sáng kiến	Phòng Văn hóa – Xã hội	10	≥ 20	

12	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Giá trị	Phòng Văn hóa – Xã hội	≥ 0.79	> 0.8	
13	Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	0	2	
E	Phát triển chuyển đổi số					
14	Chỉ số Chuyển đổi số	Điểm	Phòng Văn hóa – Xã hội	≥ 0.725	≥ 0.75	
15	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa các cấp chính quyền.	%	Văn phòng UBND xã	100	100	
16	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	Văn phòng UBND xã và Trung tâm PV HCC	100	100	
17	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	%	Văn phòng UBND xã và Trung tâm PV HCC	100	100	
18	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	%	Văn phòng UBND xã và Trung tâm PV HCC	100	100	
19	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	%	Văn phòng UBND xã và Trung tâm PV HCC	100	100	
20	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	%	Văn phòng UBND xã và Trung tâm PV HCC	≥ 95	100	
21	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	Văn phòng UBND xã và	≥ 80	≥ 80	

			Trung tâm PV HCC			
22	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	Văn phòng UBND xã và Trung tâm PV HCC	≥ 90	≥ 90	
23	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	Văn phòng UBND xã và Trung tâm PV HCC	≥ 80	≥ 80	
24	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	Văn phòng UBND xã và Trung tâm PV HCC	≥ 80	≥ 80	
25	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước giám sát trên môi trường điện tử	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	100	100	
26	Tỷ lệ hệ thống thông tin của xã được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	100	100	
27	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa & liên thông với tỉnh	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	≥ 60	≥ 80	
28	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	≥ 60	≥ 60	
29	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	%	Công an xã	≥ 60	≥ 80	
30	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	%	Đoàn xã	≥ 70	≥ 70	
31	Quy mô kinh tế số/GRDP	% RDP	Phòng Kinh tế	≥ 40	≥ 45	

32	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	100	100	
33	Triển khai kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	Công an xã	80	100	
34	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	Phòng Văn hóa – Xã hội và Trạm Y tế xã	95	≥ 95	
35	Tỷ lệ người dân được định danh số	%	Công an xã	100	100	
36	Tỷ lệ cung cấp dữ liệu mở theo Kế hoạch	%	Phòng Văn hóa – Xã hội	100	100	
37	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	%	Công an xã	100	100	
38	Bệnh viện không giấy tờ	%	Trạm Y Tế, Phòng Văn hóa – Xã hội	100	100	

PHỤ LỤC II: HỒ SƠ THUYẾT MINH TỪNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

Nhiệm vụ 1: Thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ

Tiêu chí	Nội dung chi tiết
Cơ sở pháp lý	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
Tính cấp thiết	Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng đến người dân và doanh nghiệp; Nâng cao nhận thức cho CBCCVC và nhân dân; tạo đồng thuận xã hội; tăng tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
Quy mô và Sản phẩm dự kiến	Tổ chức ít nhất 02 lớp bồi dưỡng/tập huấn cho từng nhóm đối tượng: cán bộ xã, tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn viên – hội viên nông cốt... nhằm tạo động lực, khơi dậy tinh thần đổi mới sáng tạo và kỹ năng số trong cộng đồng.
Thời gian thực hiện	Năm 2026
Nguồn kinh phí	Ngân sách tỉnh và xã

Nhiệm vụ 2: Thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Tiêu chí	Nội dung chi tiết
Cơ sở pháp lý	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. - Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ.
Tính cấp thiết	- Đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để phát triển CDS. - Cần hỗ trợ các ý tưởng, mô hình sáng tạo phục vụ cải cách hành chính và phát triển kinh tế số tại địa phương.
Quy mô và sản phẩm dự kiến	- Hỗ trợ các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương được đưa lên sàn thương mại điện tử (voso, postmart, shopee, tiktokshop, facebook và các sàn thương mại điện tử phổ biến khác) theo chính sách hỗ trợ của tỉnh. - Lựa chọn các sáng kiến đủ điều kiện để công nhận sáng kiến cơ sở. Chi trả cho hoạt động của các hội

	đồng sáng kiến cấp cơ sở
Thời gian thực hiện	Năm 2026
Nguồn kinh phí	Ngân sách xã

Nhiệm vụ 3: Các hoạt động CDS, ứng dụng CNTT thường xuyên

Tiêu chí	Nội dung chi tiết
Cơ sở pháp lý	- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về cung cấp dịch vụ công trực tuyến. - Đề án 06/CP của Chính phủ.
Tính cấp thiết	- Đảm bảo cung cấp thông tin điều hành thông suốt, hiệu quả. - Nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nền tảng số, thanh toán số.
Quy mô và Sản phẩm dự kiến	- Nâng cấp, mua sắm máy tính, máy in, scan, photocopy cho các Tổ Dân Phố. - Chi trả thù lao, nhuận bút Trang thông tin điện tử xã. - Mua sắm phần mềm diệt virus bản quyền cho các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã. - Triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ cập phong trào "bình dân học vụ số" cho người dân. - Tổ chức các buổi ngoại khoá, hướng nghiệp cho học sinh có năng khiếu theo đuổi các ngành khoa học, kỹ thuật, nhằm tạo nền tảng nhân lực cho xã và tỉnh. - Tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công việc. - Tổ chức tập huấn, đào tạo thành viên tổ công nghệ số cộng đồng, chi đoàn thanh niên các thôn, khu phố sử dụng các nền tảng ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp. - Triển khai hệ thống tin nhắn tự động thông báo tình hình giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp. - Số hóa toàn bộ hồ sơ của xã từ khi sáp nhập đến nay. - Số hóa các di tích lịch sử văn hóa, đặc biệt là các di tích lịch sử đang chuẩn bị bị di dời do ảnh hưởng của cảng hàng không Quốc tế Gia Bình. Lưu giữ trong data của tỉnh, xã đồng thời quảng bá hình ảnh trên Cổng

	thông tin điện tử thành phần, website quảng bá hình ảnh của xã. - Mua sắm phần mềm diệt virus để đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng của đơn vị. - Mua sắm, nâng cấp hạ tầng mạng, trang thiết bị chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị và của ngành giáo dục. - Thuê sử dụng phần mềm khám chữa bệnh và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân.
Thời gian thực hiện	Năm 2026
Nguồn kinh phí	Ngân sách tỉnh và xã